FireAnt

CTCP Garmex Sài Gòn (UPCOM: GMC)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	6,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,210
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,500
SL cổ phiếu LH	32,950,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,010
% sở hữu nước ngoài	4.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	214
P/E	-11.8
EPS	-552

	YTD	1T	3T	6T
GMC	-13.4%	-18.8%	-27.7%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản

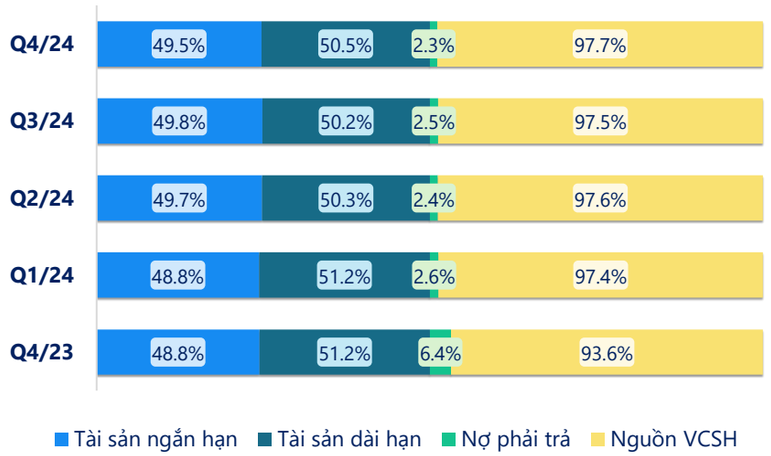

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

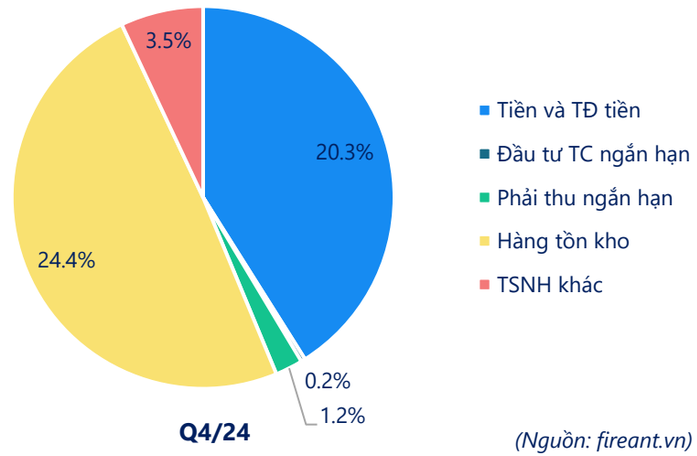

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

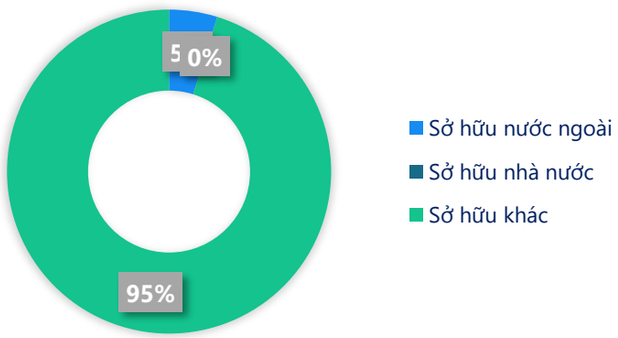

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

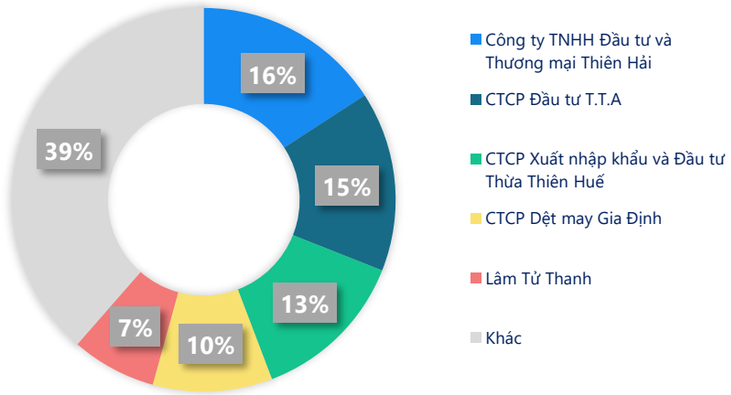

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

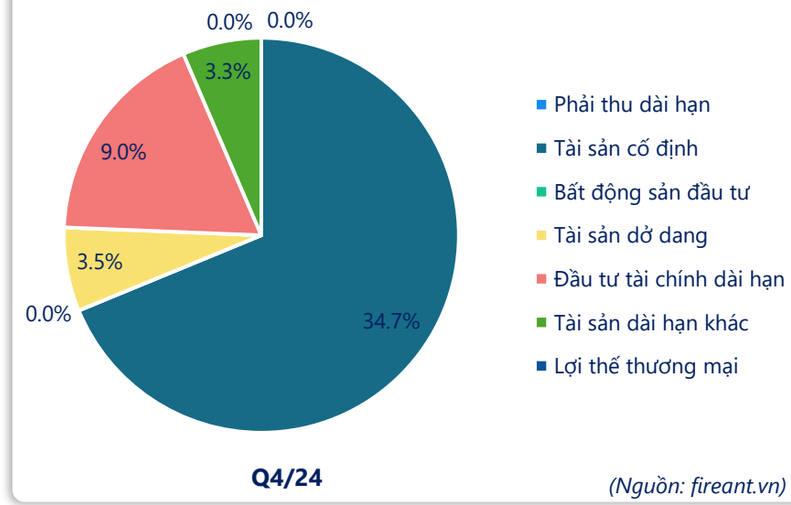

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Garmex Sài Gòn (UPCOM: GMC)

Tiền và tương đương tiền

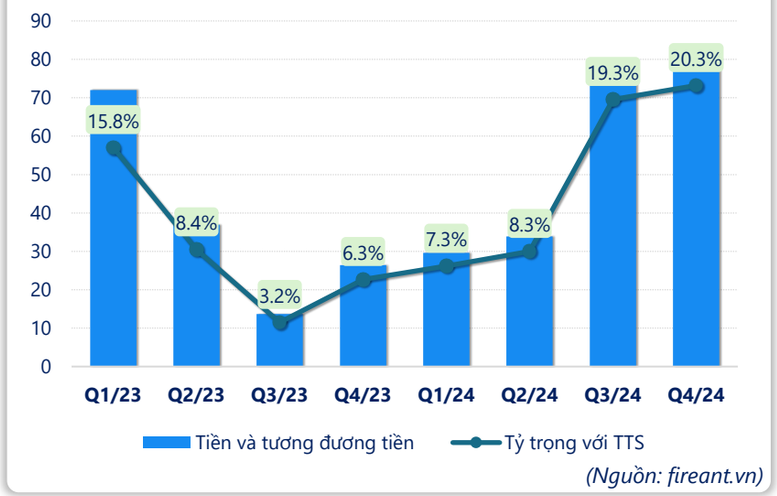

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

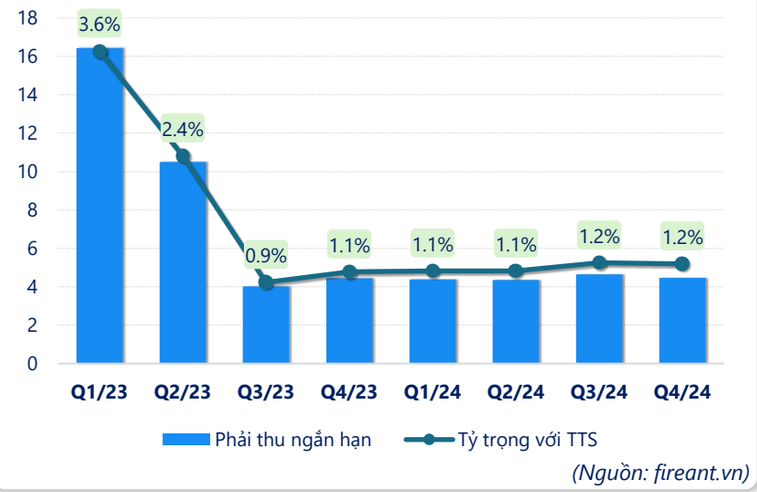

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

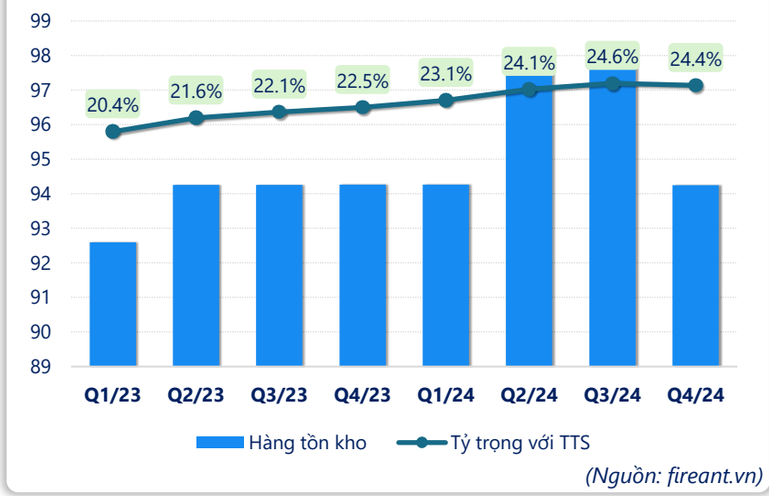

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

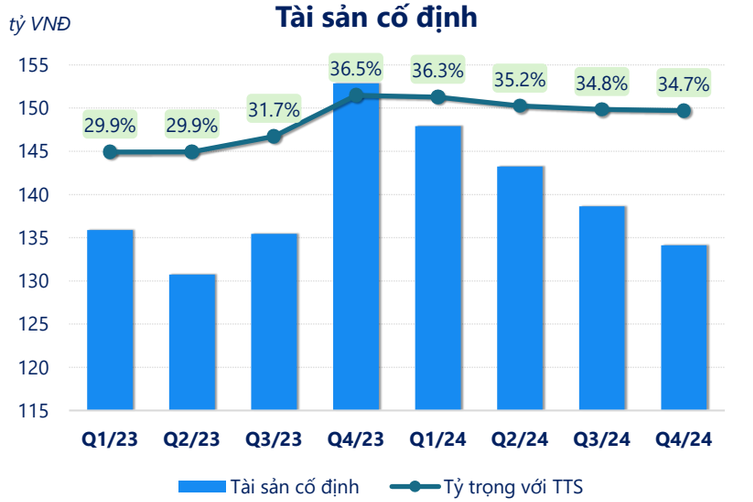

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

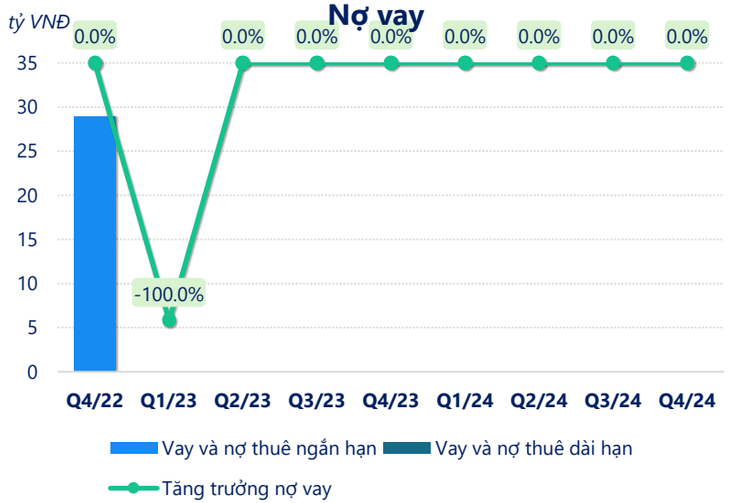

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

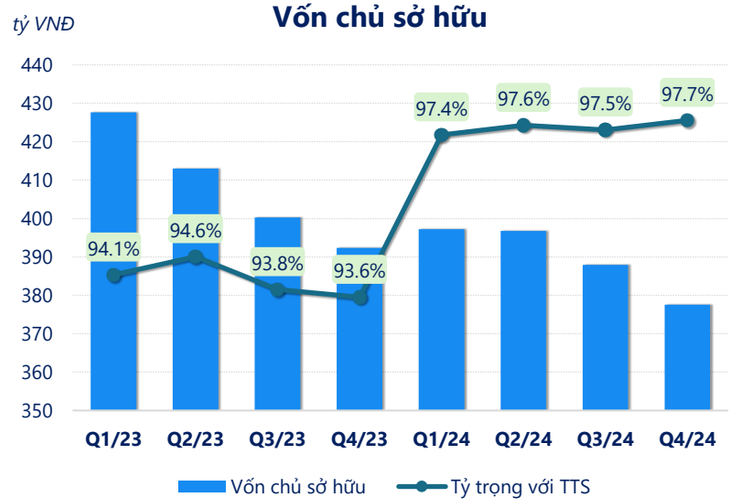

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Garmex Sài Gòn (UPCOM: GMC)

Kết quả kinh doanh

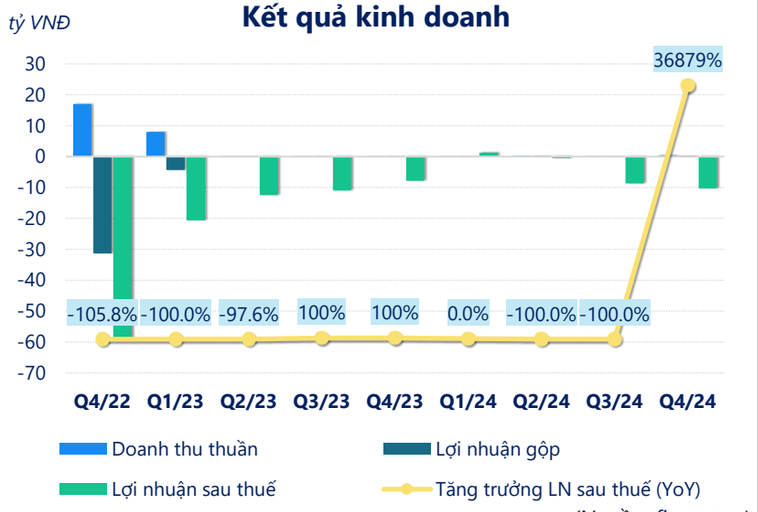

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

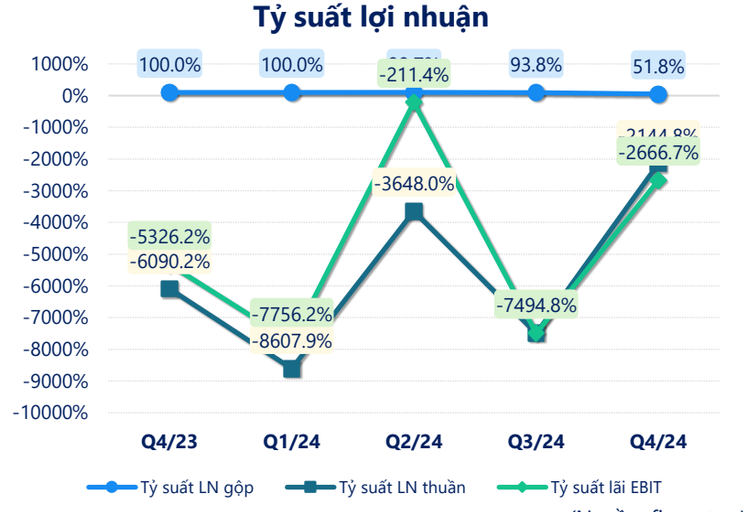

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

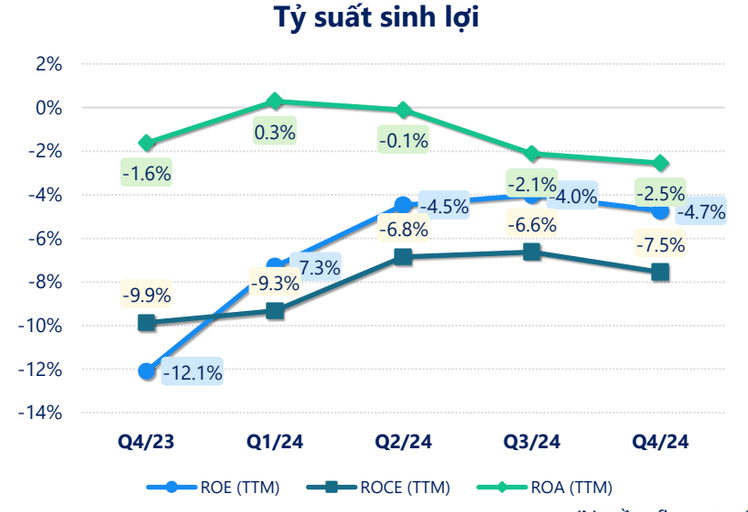

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

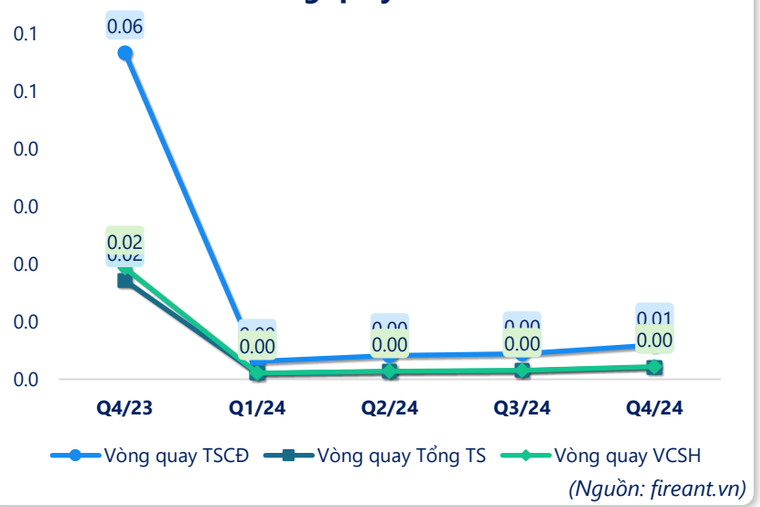

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

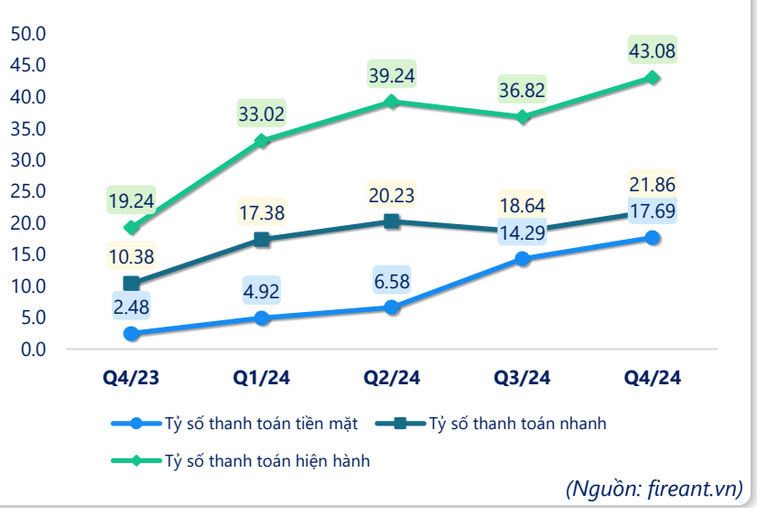

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

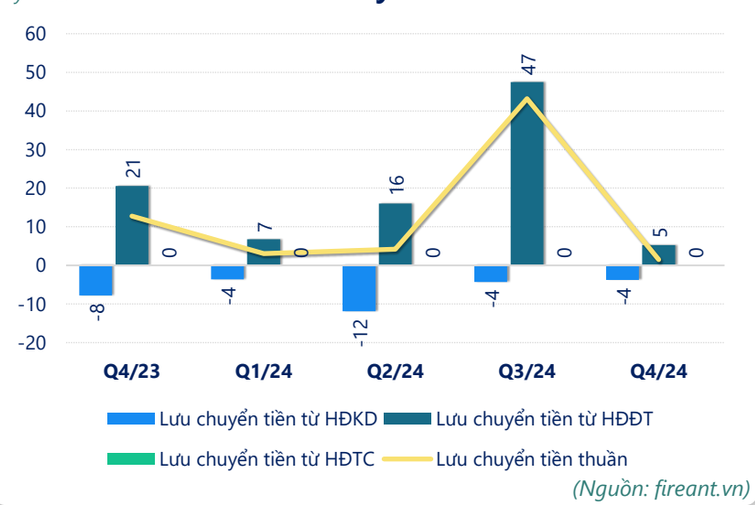

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Garmex Sài Gòn (UPCOM: GMC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**386**	**419**	**-7.8%**
Tài sản ngắn hạn	191	205	-6.5%
Tiền và tương đương tiền	78.5	26.4	197%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.68	66.0	-99.0%
Phải thu ngắn hạn	4.46	4.47	-0.2%
Hàng tồn kho	94.2	94.3	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	13.4	13.6	-1.5%
Tài sản dài hạn	**195**	**214**	**-9.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	134	153	-12.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	13.4	13.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	34.9	34.4	1.5%
Tài sản dài hạn khác	**12.6**	**13.8**	**-8.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8.82	26.7	-67.0%
Nợ ngắn hạn	**4.44**	**10.6**	**-58.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.51	5.50	-90.8%
Nợ dài hạn	4.38	16.1	-72.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**378**	**392**	**-3.8%**
Vốn chủ sở hữu	**378**	**392**	**-3.8%**
Vốn điều lệ	330	330	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	0.13	0.13	0.22	0.12	0.38
Giá vốn hàng bán	0	0	0.00	0.01	0.18
Lợi nhuận gộp	0.13	0.13	0.22	0.11	0.20
Doanh thu HĐTC	3.56	0.81	1.75	0.84	1.18
Chi phí TC	0.06	0.55	-0.40	0.03	0.10
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	-0.47	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	11.3	12.0	10.5	9.63	9.48
LN thuần từ HĐKD	-8.17	-11.6	-8.16	-8.71	-8.20
Lợi nhuận khác	1.03	1.15	7.68	0.00	-2.00
LN trước thuế	-7.15	-10.5	-0.47	-8.71	-10.2
Lợi nhuận sau thuế	-7.86	1.24	-0.48	-8.71	-10.2
LNST của CĐ cty mẹ	-7.86	1.24	-0.48	-8.71	-10.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.81	-3.65	-11.9	-4.28	-3.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	20.6	6.73	16.1	47.4	5.25
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	13.6	26.4	29.6	33.9	76.9
Lưu chuyển tiền thuần	**12.8**	**3.08**	**4.19**	**43.2**	**1.51**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.15	0.05	-0.14	0.14
Tiền cuối kỳ	26.4	29.6	33.9	76.9	78.5

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic